TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 135/2025/QĐST-LĐ	*Dĩ An, ngày 27 tháng 6 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: bà Nguyễn Thị Thụy.

Thư ký phiên họp: ông Trần Hồng Sơn - Thư ký Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp: bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân thành phố D mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 139/2025/TLST-VLĐ, ngày 18/6/2025 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 31/2025/QĐST-VLĐ ngày 23 tháng 6 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu*: bà Đỗ Thị D, sinh năm 1991; thường trú: khu phố B, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên; địa chỉ liên hệ: số A, đường số E, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị H, sinh năm 1994; thường trú: khu phố B, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên; có yêu cầu giải quyết vắng mặt;

2. Công ty cổ phần C; địa chỉ: lô C đường số B, KCN T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; vắng mặt;

3. Bảo hiểm xã hội thành phố D; địa chỉ: đường T, Khu T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: ông Dương Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ: đường T, Khu T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền ngày 23/6/2025; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Tại đơn yêu cầu ngày 04 tháng 6 năm 2025, quá trình tố tụng bà Đỗ Thị D trình bày:

Từ tháng 5/2010 đến tháng 6/2010, bà D có làm việc và giao kết hợp đồng lao động tại Công ty TNHH F, đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) số: 7410143244. Nay, bà liên hệ Bảo hiểm xã hội tiến hành điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thì bên Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện hồ sơ bảo hiểm thông tin của bà D bị trùng.

Lý do bị trùng bảo hiểm: do lúc trước chưa hiểu rõ thông tin về vấn đề đóng Bảo hiểm xã hội nên bà có cho bà Trần Thị H mượn thông tin cá nhân của để giao kết hợp đồng lao động với Công ty cổ phần C (trước đây là Công ty cổ phần G) từ tháng 6/2010 đến tháng 4/2011, đóng BHXH số: 7410180629. Do đó, bà bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Đỗ Thị D (do bà Trần Thị H làm việc) với Công ty cổ phần C (trước đây là Công ty cổ phần G) là vô hiệu. Bà không yêu cầu giải quyết hậu quả pháp lý về việc hợp đồng vô hiệu.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H trình bày:

Bà và bà Đỗ Thị D có mối quan hệ chị em, vào thời điểm năm 2010, do hồ sơ của bà không hoàn chỉnh và thiếu hiểu biết về mặt pháp luật nên có mượn thông tin cá nhân của bà D để giao kết hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty cổ phần C (trước đây là Công ty cổ phần G) từ tháng 6/2010 đến tháng 4/2011, trong thời gian này bà được Công ty tham gia và đóng BHXH số: 7410180629. Vì vậy, bà D bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm xã hội. Nay, bà D yêu cầu tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Đỗ Thị D (do bà H mượn thông tin cá nhân) với Công ty cổ phần C (trước đây là Công ty cổ phần G) vô hiệu thì bà đồng ý. Bà không yêu cầu giải quyết hậu quả pháp lý về việc tuyên hợp đồng lao động vô hiệu.

- Người đại diện hợp pháp của Công ty cổ phần C (trước đây là Công ty cổ phần G) không cung cấp thông tin và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

- Người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội thành phố D là ông Dương Văn T trình bày:

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty cổ phần C (trước đây là Công ty cổ phần G) cho người lao động thì Công ty có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Đỗ Thị D, sinh năm 1991, số CCCD 054191008878, với mã số BHXH 7410180629 từ tháng 6/2010 đến tháng 4/2011 và chưa nhận trợ cấp BHXH một lần. Ngoài ra, bà D còn có mã số 7410143244 tham gia BHXH từ tháng 5/2010 đến tháng 6/2010 tại Công ty TNHH F1. Về đề nghị yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa bà D với Công ty cổ phần C, đề nghị Toà án căn cứ theo Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Nghị định số 145/2020/NĐ-CP quy định về việc xử lý hợp đồng lao động vô hiệu để tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà D, BHXH không có lưu trữ những hồ sơ này.

Về các yêu cầu khác của bà D phía Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương không có ý kiến.

- Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: xét thấy, yêu cầu của người yêu cầu là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc lao động được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: các đương sự có yêu cầu giải quyết vắng mặt; Công ty cổ phần C đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: việc bà Trần Thị H lấy thông tin của bà Đỗ Thị D để giao kết hợp đồng lao động với Công ty cổ phần C (trước đây là Công ty cổ phần G) là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006 và 2007. Qua rà soát, Bảo hiểm xã hội thành phố D cung cấp thông tin Công ty cổ phần C có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Đỗ Thị D, sinh năm 1991, số CCCD 054191008878, với mã số BHXH 7410180629 từ tháng 6/2010 đến tháng 4/2011 và chưa nhận trợ cấp BHXH một lần. Do đó, bà D yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Đỗ Thị D (thực tế do bà Trần Thị H làm việc) với Công ty cổ phần C vô hiệu là có căn cứ theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[3] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[4] Ý kiến và đề nghị của kiểm sát viên tại phiên họp phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[5] Về lệ phí: bà Đỗ Thị D phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, các Điều 149, 361, 367, 370, 371, 372 và Điều 401, 402 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 127, 132 Bộ luật Dân sự năm 2005; Căn cứ Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006 và 2007; Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu của bà Đỗ Thị

Diệu .

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Đỗ Thị D với Công ty cổ phần C (trước đây là Công ty cổ phần G) vô hiệu.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: bà Đỗ Thị D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số: 0004709 ngày 10/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục Thi hành án Dĩ An;
- Đương sự;
- Hồ sơ;
- Lưu./.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Thụy